

**PHIẾU ĐIỂM**

THÔNG TIN CHUNG				Điểm kiểm tra			Điểm TB Kiểm tra	Điểm Chuyên cần	Điểm quá trình	Điểm thi		Điểm TK môn		Ghi chú
STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Hệ số 2						(1)	(2)	TK M	TK M	
1	23CD1A 01	Đặng Hoàng	Anh											
2	23CD1A 02	Trần Hoàng	An											
3	23CD1A 03	Lý Gia	Bảo											
4	23CD1A 04	Vũ Văn	Cảnh											
5	23CD1A 05	Lê Hoàng	Chiên	4.3	3.3		3.8	10	5.6					
6	23CD1A 06	Đỗ Anh	Chương	7.5	7.5		7.5	9	8.0					3t
7	23CD1A 07	Nguyễn Thanh	Dân	7.3	3.3		5.3	10	6.7					3t
8	23CD1A 08	Võng Say	Dìn	5.5	7.5		6.5	10	7.6					
9	23CD1A 09	Phan Quốc	Duy	8.3	7.0		7.6	10	8.3					
10	23CD1A 10	Phạm Tân	Dũng	4.0	4.3		4.1	9	5.6					3t
11	23CD1A 11	Trương Đặng Minh	Đang											
12	23CD1A 12	Lê Tiên	Đạt	8.0	4.8		6.4	10	7.5					
13	23CD1A 13	Phan Thành	Đạt	7.3	5.5		6.4	10	7.5					
14	23CD1A 14	Trần Thanh	Hào											
15	23CD1A 15	Tạ Lâm	Hiên	6.0	3.8		4.9	10	6.4					
16	23CD1A 16	Nguyễn Huy	Hoàng	9.0	5.8		7.4	9	7.9					3t
17	23CD1A 17	Nguyễn Trọng	Hoàng											
18	23CD1A 18	Dương Quốc	Huy											
19	23CD1A 19	Nguyễn Nhật	Huy	6.0	6.0		6.0	10	7.2					
20	23CD1A 20	Hà Nguyễn	Khang	6.5	5.5		6.0	10	7.2					
21	23CD1A 21	Nguyễn Văn	Khang	6.3	0.0		3.1	8	4.6					6t
22	23CD1A 22	Phú Phúc Út	Khang	7.5	7.3		7.4	9	7.9					3t
23	23CD1A 23	Thuận Quốc	Khánh											
24	23CD1A 24	Phạm Gia	Khiêm	3.3	3.8		3.5	10	5.5					
25	23CD1A 25	Vũ Nguyễn Đăng	Khoa	1.3	5.0		3.1	0	2.2					9t
26	23CD1A 26	Hồ Công	Khởi	8.3	6.5		7.4	10	8.2					
27	23CD1A 27	Lê Tuấn	Kiệt											
28	23CD1A 28	Phạm Ngọc	Liêm	8.0	5.0		6.5	10	7.6					
29	23CD1A 29	Trương Hoài	Linh	6.0	3.3		4.6	10	6.2					
30	23CD1A 30	Bùi Hữu	Lộc	5.0	0.0		2.5	9	4.5					3t
31	23CD1A 31	Trịnh Hoàng	Lương	6.8	3.3		5.0	9	6.2					3t
32	23CD1A 32	Trần Nguyễn Hoài	Minh	6.0	4.0		5.0	10	6.5					
33	23CD1A 33	Nguyễn Phương	Nam	9.3	6.5		7.9	10	8.5					
34	23CD1A 34	Trần Nhật	Nam	7.5	5.8		6.6	9	7.3					3t
35	23CD1A 35	Trương Minh	Nhật	5.5	2.0		3.8	8	5.0					6t
36	23CD1A 36	Nguyễn Hồng Minh	Nhật	7.3	3.8		5.5	9	6.6					3t
37	23CD1A 37	Đinh Tiên Nhật	Quang	8.8	4.8		6.8	10	7.7					
38	23CD1A 38	Quách Trọng	Quang	5.5	7.0		6.3	10	7.4					
39	23CD1A 39	Đinh Nguyễn Anh	Quốc	6.8	3.0		4.9	9	6.1					3t
40	23CD1A 40	Lê Văn	Quỳnh	3.8	4.8		4.3	9	5.7					3t
41	23CD1A 41	Phạm Hồng	Sơn	9.5	6.3		7.9	10	8.5					
42	23CD1A 42	Nguyễn Minh	Tâm											
43	23CD1A 43	Nguyễn Đình	Tấn	3.3	5.5		4.4	10	6.1					
44	23CD1A 44	Lê Minh Hữu	Thắng	4.0	5.5		4.8	9	6.0					3t
45	23CD1A 45	Lê Phú	Thịnh	5.0	1.3		3.1	10	5.2					
46	23CD1A 46	Nguyễn Huy	Thịnh											
47	23CD1A 47	Trịnh Ngọc	Thịnh	6.5	4.0		5.3	8	6.1					6t
48	23CD1A 48	Nguyễn Thành	Thọ	4.5	5.0		4.8	10	6.3					
49	23CD1A 49	Trương Văn	Thông	9.0	9.0		9.0	10	9.3					
50	23CD1A 50	Lữ Ngọc Anh	Thơ	5.8	6.8		6.3	10	7.4					

THÔNG TIN CHUNG				Điểm kiểm tra			Điểm TB Kiểm tra	Điểm Chuyên cần	Điểm quá trình	Điểm thi		Điểm TK môn		Ghi chú
STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Hệ số 2						(1)	(2)	TK M	TK M	
51	23CD1A 51	Đình Nguyễn Hòa	Thuận	6.0	2.8		4.4	9	5.8					3t
52	23CD1A 52	Trần Thanh	Tiến	5.0	6.0		5.5	10	6.9					
53	23CD1A 53	Phạm Anh	Tín	6.0	1.0		3.5	8	4.9					6t
54	23CD1A 54	Nguyễn Quốc	Trâm	7.8	7.8		7.8	10	8.4					
55	23CD1A 55	Nguyễn Hiền	Trung	5.5	4.3		4.9	10	6.4					
56	23CD1A 56	Lê Quang	Trương	7.5	6.3		6.9	10	7.8					
57	23CD1A 57	Hàng Thái	Tuấn	7.8	6.3		7.0	9	7.6					3t
58	23CD1A 58	Trần Quang	Tuấn	6.5	5.0		5.8	10	7.0					
59	23CD1A 59	Võ Trọng	Tuyển	7.8	6.0		6.9	10	7.8					
60	23CD1A 60	Nguyễn Quốc	Việt	8.8	8.0		8.4	10	8.9					
61	23CD1A 61	Nguyễn Thành	Vương	7.3	2.5		4.9	9	6.1					3t
62	20CD1A 15	Nguyễn Duy	Hưng	7.3	5.0		6.1	10	7.3					

Tổng số: 62

Ngày điểm thi:

Ngày kiểm tra lại:

Ngày vào điểm thi lại:

Duyệt  
Trưởng khoa



Le Minh Canh

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Giáo viên ký tên



Hồng Phương